

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

MODULO ARMOR S3S MID

MDLOAMRS3M

Giày b ố t **siêu thoáng khí,**
ch ố n g **mài mòn và không** chứa **kim**
g thủn g **và** đế **ngoài PU 2** mật độ

Giày bảo h ộ c ổ cao MODULO ARMOR S3S mang đế ệ và
mái vải dệt phần **thân MAX TEK thoáng khí,** b ọ c **thép,** khả năng
chư ố ng bảo vệ **và không có kim** n g điều k iệ n khắc n ghiệ t



BLK

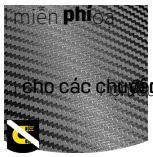
Những vật liệu cao cấp hơn	chống mài mòn
ót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	BASF PU/BASF PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, SC, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-50
ng lượng thép	0.595 kg
ẩn hiệu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ c **mát khô** l ạ c lâu hơn.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn ngừa đ bắt lửa do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



miễn **phí** o
cho các chu
Kim l
Giày an toàn không có giày an
toàn thông thường. Chúng cũng



& **nhiên**
é ngoài có k



mũi
mài mòn (SC)
Vật liệu che phủ mũi giày đã được
thử nghiệm riêng hao mòn vật
liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở
rộng



ần **chay**
Không
ử dụ

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố ạnh g, Xây dự n g, Ngành công n ghiệp , hậ

ường: **Môi** t

rư ờn g môi khô, Bề mặt cự c mị n, môi ẩm ướ t

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẳng cách xa hàn hiệt Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ơn vị đo l ường	
Nhữ n g vật l iệu ố V n ả g mài mòn cao cấp h ơn				
	Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8	3.26 iờ	mg/cm/g
	Top: hi ệ số ớ h ơ	? 15	27	mg/cm2
ót bên trong	i 3D tái ch ế (100% tái ch ế)			
	L ớp lót: ấm ớ h ơ	? 2	60.62 iờ	mg/cm/g
	lót: hi ệ số ớ h ơ	? 20	485	mg/cm2
rong Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)				
	ệ m chân Ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài Đ	BASF PU/BASF PU			
	Ch ố i ảm g mài mòn ế ngoài (	? 150	86	mm
	Chư ố ợt trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót, v ề phía t	? 0.31	0.34	ma sát
	rư Cột cố ợt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.39	ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót, phía t	? 0.19	0.32	ma sát
	Chư ố ợt trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.40	ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	23.6	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	40	megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân ủ	? 20	31	J
Đ ướ n g đầ	Nanocarbon			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.0	mm

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có thể thay đế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ế t ơn vị đo l ường	
i CO# hát thả			
	V ật l iệu	6.97	kg
	Bao bì	0.13	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		9.25 kg CO2/ cặp	

	Sự miêu t ả	ế t K ả u q
ệ vật l Tiệ ỷ tái ch ế		
	Product	11%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:

ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.